TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 23/01/2019

"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Viết Minh Quân**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Quang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh GL tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G L xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST – DS, ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G L. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Anh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 3, xã TB, huyện Đ, tỉnh G L. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trương Thị P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 7, phường YT, thành phố P, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Mai Thị P trình bày:

Vào ngày 16/01/2017 ông Nguyễn Đình Anh T có mượn của bà P số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn và hẹn 10 ngày sau sẽ trả và lãi suất theo thỏa thuận. Ngày 24/02/2017 ông T mượn tiếp của bà P số tiền 455.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả lại số tiền trên và lãi suất theo thỏa thuận. Đến ngày 19/9/2017 ông T mượn tiếp của bà P số tiền 600.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Nhưng sau đó ông T chỉ trả được cho bà P 40.000.000 đồng của số tiền 600.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 560.000.000 đồng. Hiện tại ông T còn nợ của bà P tổng số tiền là 1.315.000.000 đồng. Trong tất cả những lần mượn tiền thì ông T đều viết giấy nhận nợ. Tuy nhiên khi đến hẹn trả nợ thì ông T đã không thực hiện việc trả nợ vfa lãi suất như thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà P yêu cầu bị đơn ông T trả ngay số tiền 1.315.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng của số tiền vay cụ thể: Đối với số tiền 300.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 27/01/2017 đến ngày xét xử; Đối với số tiền 455.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 06/3/2017 đến ngày xét xử; Đối với số tiền 560.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 30/9/2017 đến ngày xét xử.

* Bị đơn ông Nguyễn Đình Anh T và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Trương Thị P vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/8/2018 ông T trình bày: Ông T thừa nhận có vay tiền của bà Mai Thị P 03 lần cụ thể: vào ngày 16/01/2017 ông T có mượn của bà P số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn và hẹn 10 ngày sau sẽ trả và lãi suất theo thỏa thuận. Ngày 24/02/2017 ông T mượn tiếp của bà P số tiền 455.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả lại số tiền trên và lãi suất theo thỏa thuận. Đến ngày 19/9/2017 ông T mượn tiếp của bà P số tiền 600.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Nhưng sau đó ông T chỉ trả được cho bà P 40.000.000 đồng của số tiền 600.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 560.000.000 đồng. Tổng cộng ông T còn nợ của bà P số tiền 1.315.000.000 đồng. Ông T đồng ý trả nợ cho bà P nhưng hiện nay ông gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần số nợ trên cho ông P mỗi năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 1.315.000.000 đồng nêu trên, chứ không có khả năng trả một lần. Còn về tiền lãi thì ông T xin bà P không tính tiền lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị P đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên bà P không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền là 1.315.000.000 đồng cho nguyên đơn và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi suất theo như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Đình Anh T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình Anh T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị P.

[2] Về nội dung: Vào ngày 16/01/2017 ông Nguyễn Đình Anh T có mượn của bà P số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn và hẹn 10 ngày sau sẽ trả và lãi suất theo thỏa thuận. Ngày 24/02/2017 ông T mượn tiếp của bà P số tiền 455.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả lại số tiền trên và lãi suất theo thỏa thuận. Đến ngày 19/9/2017 ông T mượn tiếp của bà P số tiền 600.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ

trả. Nhưng sau đó ông T chỉ trả được cho bà P 40.000.000 đồng của số tiền 600.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 560.000.000 đồng. Hiện tại ông T còn nợ của bà P tổng số tiền là 1.315.000.000 đồng. Trong tất cả những lần mượn tiền thì ông T đều ký vào giấy nhận nợ. Tuy nhiên khi đến hẹn trả nợ thì ông T đã không thực hiện việc trả nợ và lãi suất như thỏa thuận dù bà P có đòi nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà P yêu cầu bị đơn ông T phải trả số tiền còn nợ là 1.315.000.000 đồng cho bà. Xét, giao dịch vay tiền giữa bà P với ông T là một hợp đồng dân sự về việc vay tài sản có kỳ hạn được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, nhưng khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì ông T là bên vi phạm, không trả nợ theo cam kết. Việc bị đơn ông T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị Phụng không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2018 thì ông T đã thừa nhận còn nợ của bà P số tiền 1.315.000.000 đồng Từ những nhận định trên thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn bà P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về khoản lãi: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị P yêu cầu ông Nguyễn Đình Anh T phải trả cho bà số tiền lãi tạm tính đến ngày 06/8/2018 của cả 03 khoản vay là 194.781.665 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà P xin thay đổi yêu cầu đối với việc tính lãi suất là bà yêu cầu ông T phải trả lãi suất chậm trả của số tiền vay 1.315.000.000 đồng với lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể: Đối với số tiền 300.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 27/01/2017 đến ngày xét xử; Đối với số tiền 455.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 06/3/2017 đến ngày xét xử; Đối với số tiền 560.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 30/9/2017 đến ngày xét xử. Xét việc thay đổi yêu cầu về việc tính lãi của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự. Bởi lẽ, theo giấy vay tiền ngày 16/01/2017 và giấy vay tiền ngày 24/02/2017 thì hai bên có cam kết thời hạn trả nợ và lãi suất theo thỏa thuận. Đối với giấy vay tiền ngày 19/9/2017 tuy không có thể hiện lãi suất nhưng quá trình hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi thì bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu trên của nguyên đơn và đồng thời xin nguyên đơn không tính tiền lãi vì hoàn cảnh khó khăn. Như vậy cho thấy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn có thỏa thuận lãi suất và bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi là có thật. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản vay với mức lãi là 0,83%/ tháng của các khoản vay kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn T có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn bà P số tiền lãi tính mức lãi suất bằng

0,83%/ tháng, tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của 03 lần vay đến ngày xét xử hôm nay ngày 23/01/2019 cụ thể: Đối với số tiền 300.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 27/01/2017 đến ngày xét xử hôm nay ngày 23/01/2019 là 23 tháng 27 ngày. Vậy số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 59.511.000 đồng; Đối với số tiền 455.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 06/3/2017 đến ngày xét xử hôm nay ngày 23/01/2019 là 22 tháng 17 ngày. Vậy số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 85.223.016; Đối với số tiền 560.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 30/9/2017 đến ngày xét xử hôm nay ngày 23/01/2019 là 15 tháng 24 ngày. Vậy số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 73.438.400 đồng. Tổng cộng số tiền lãi của bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 218.172.416 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị P.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình Anh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Mai Thị P số tiền nợ gốc là 1.315.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 218.172.416 đồng (Hai trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.533.172.416 (Một tỷ năm trăm ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình Anh T có nghĩa vụ nộp số tiền 57.995.172 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Mai Thị P số tiền 26.327.500 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002697 ngày 23/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Viết Minh Quân

Nơi nhận**:**
- TAND tỉnh G L;
- VKSND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người đại diện theo ủy quyền.
- Lưu hồ sơ vụ án.